TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huyền Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; nơi ĐKHKTT: Thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Tầng 1, số 83, đường C, quận Q, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc). Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh T để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Nguyễn Duy D, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: Thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số nhà 3, tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Duy D, sinh năm 1958;

+ Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1959.

Cùng trú tại: Thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Phiên họp có mặt chị H; vắng mặt anh T, ông D, bà C (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu, bản tự khai của anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H, nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 29/12/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Năm 2020, anh T, chị H mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng sống xa nhau do anh T đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) làm cho tình cảm ngày càng bị rạn nứt. Nay anh T, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được và cùng đồng thuận yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/02/2016. Cháu Nguyễn Duy Đ bị khuyết tật từ nhỏ, chậm phát triển tinh thần và vận động, luôn cần phải có người ở bên cạnh chăm sóc, hàng tháng cháu được hưởng trợ cấp của Nhà nước. Khi ly hôn, anh T, chị H thỏa thuận chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Khánh L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập; anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Duy Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Do anh T đang lao động ở Đài Loan (Trung Quốc) nên ủy quyền cho ông Nguyễn Duy D, bà Đỗ Thị C là bố mẹ đẻ của anh trú tại thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đ trong thời gian anh T lao động ở Đài Loan cho đến khi anh trở về Việt Nam.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H thỏa thuận anh T là người nộp toàn bộ lệ phí, chị H không phải nộp.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy D, bà Đỗ Thị C trình bày (căn cứ tài liệu trong hồ sơ):

Sau khi anh T, chị H kết hôn về chung sống cùng nhà với ông, bà. Nay anh, chị muốn ly hôn là quyền của anh, chị. Còn cháu Nguyễn Duy Đ khi mới sinh ra đã bị dị tật bẩm sinh, cháu không nói được, sinh hoạt cá nhân không tự chủ được, luôn phải có người bên cạnh chăm sóc. Ông D, bà C cùng với bố mẹ cháu

chăm sóc cháu Đ từ khi còn nhỏ. Anh T, chị H thỏa thuận khi ly hôn, chị H nuôi cháu Nguyễn Khánh L, anh T nuôi cháu Nguyễn Duy Đ. Do anh T đang lao động ở Đài Loan nên ủy quyền cho vợ chồng ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ cho đến khi anh T trở về Việt Nam, tiền để nuôi cháu Đ do anh T gửi về; ông, bà nhất trí nhận sự ủy quyền của anh T và có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ trong thời gian anh T vắng nhà. Anh T, chị H không có đóng góp công sức gì vào khối tài sản chung của gia đình ông bà.

Tại phiên họp: Người yêu cầu là chị Phạm Thị H đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chị và anh Nguyễn Thanh T; công nhận việc thỏa thuận nuôi con chung giữa hai anh chị và lệ phí ly hôn sơ thẩm; không đề nghị về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 37; Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/02/2012 cho chị H; giao cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/02/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị; anh T nộp toàn bộ lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con; anh T hiện đang cư trú, lao động ở Đài Loan (Trung Quốc). Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b, khoản 1 Điều 37; Điều 361; Điều 362 và Điều 365 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh chị có đơn từ chối lựa chọn hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 29/12/2010 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu anh T, chị H chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, anh T hiện đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét thấy, tình cảm giữa anh T, chị H đã bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị thỏa thuận ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly

hôn cho anh T, chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/02/2016. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Khánh L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập; anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Duy Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu Nguyễn Khánh L có nguyện vọng được ở với mẹ (chị H). Sự thỏa thuận về con chung của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập; anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ; anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, anh T đang lao động ở Đài Loan (Trung Quốc) đã ủy quyền cho ông Nguyễn Duy D, bà Đỗ Thị C (bố mẹ đẻ anh) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ trong thời gian anh T ở Đài Loan; ông D, bà C và chị H nhất trí với ý kiến của anh T. Thực tế cháu Đ hiện nay đang ở với ông bà nội và được ông bà nội chăm sóc từ nhỏ nên chấp nhận sự ủy quyền của anh T, giao ông D, bà C nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ cho đến khi anh T về Việt Nam.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H không có và cũng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị H là anh T nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, chị H không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 37; khoản 2 Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 365; Điều 366; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận của anh T, chị H; giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/02/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập; giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/02/2016. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Duy D, bà Đỗ Thị C về việc ông D và bà C nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ đến khi anh T trở về Việt Nam.

Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh T, chị H trong việc thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Khánh L và Nguyễn Duy Đ.

3. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc anh T nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001535 ngày 21/02/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, anh T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã T, huyện K;
- UBND P.L, TP.P;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng